

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-10-2019

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Sỹ Luận

2/ Ông Lê Trọng Tính

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện R mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 282/2019/TLST-HNGĐ ngày 23-8-2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX-ST ngày 08-10-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đồng Văn H- SN: 1973 (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D - SN: 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đồng Văn H trình bày:

Ông Đồng Văn H với bà Nguyễn Thị D sống chung với nhau từ năm 1996, việc sống chung do hai bên tự nguyện, không ai ép buộc, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, hay gây gổ nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hiện hai người đã sống ly thân.

Nay, ông H yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà D.

Về nuôi con: Ông, bà có 02 người con chung tên: Đồng Văn H - SN: 1996 và Đồng Văn H - SN: 2003. Hai bên tự thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà D thống nhất thừa nhận lời trình bày của ông H là đúng về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, đồng thời đồng ý như ý kiến yêu cầu của ông H. Bà D không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy,

[1] Đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp ly hôn”, các bên đương sự hiện cư trú tại thôn N, xã R, huyện R. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất cho rằng, ông H với bà D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1996 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03-01-2001 hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân không hợp pháp, nên cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa nguyên đơn với bị đơn là phù hợp.

[3] Về việc nuôi con: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về quan hệ Hôn nhân: Tuyên bố ông Đồng Văn H và bà Nguyễn Thị D không phải là vợ chồng.

2/ Về nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đồng Văn H phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 027226 ngày 23-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước. Ông H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND huyện R;
- CC THA DS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Dương